**12.1. View NotificationList**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC12.1 | |
| **Use-case name:** | View NotificationList | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Người dùng xem danh sách các thông báo của bản thân. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn vào biểu tượng chuông thông báo trên góc phải phần mềm. | 2. Hệ thống phản hồi danh sách thông báo lấy từ CSDL. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn xem danh sách Thông Báo của mình. | |
| **Pre-condition:** | Tài khoản phải nhận được ít nhất 1 thông báo. | |
| **Post-condition:** | Hiển thị danh sách thông báo lưu trong CSDL của tài khoản. | |

**12.3. Hide Notification**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC12.3 | |
| **Use-case name:** | Hide Notification | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Người dùng lựa chọn thông báo muốn ẩn trong danh sách các thông báo của bản thân. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn vào biểu tượng ẩn bên cạnh thông báo muốn ẩn. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận ẩn. |
| 3. Người dùng xác nhận hoặc từ chối ẩn. |  |
|  | 4. Hệ thống tự hành cập nhập CSDL theo lựa chọn của người dùng. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người dùng có ý định ẩn một thông báo nào đó. | |
| **Pre-condition:** | 1. Phải đang mở danh sách thông báo lên xem. 2. Tài khoản phải có ít nhất 1 thông báo. | |
| **Post-condition:** | Danh sách thông báo mới không bao gồm cái vừa bị ẩn. | |

**12.2. View Notification**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC12.2 | |
| **Use-case name:** | View Notification | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Người dùng đánh dấu đã xem cho một hoặc nhiều thông báo trong danh sách các thông báo của bản thân. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn trực tiếp vào thông báo muốn xác nhận đã xem. | 2. Hệ thống xác nhận thông báo đã được xem vào CSDL. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn xem nội dung một thông báo xác định. | |
| **Pre-condition:** | 1. Phải đang mở danh sách thông báo lên xem. 2. Tài khoản phải có ít nhất 1 thông báo. | |
| **Post-condition:** | Thông báo sẽ thay đổi sang chế độ Đã Xem. | |

**12.4. Setting Notification Options**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC12.4 | |
| **Use-case name:** | Setting Notification Options | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Người dùng thay đổi các Cài Đặt liên quan đến thông báo. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng vào mục  Cài Đặt. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách Cài Đặt. |
| 3. Người dùng chọn "User Notification" |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh sách Cài Đặt của phần Thông báo. |
| 5.1. Người dùng lựa chọn điều chỉnh theo mong muốn. |  |
|  | 5.1.1. Hệ thống lưu thay đổi vào CSDL và cập nhập lại hiển thị thông báo hiện hành. |
| 5.2. Người dùng chọn “Xem thông báo”. |  |
|  | 5.2.1. Hệ thống chuyển sang chức năng UC12.1 (View NotificationList). |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi các Cài Đặt liên quan đến Thông báo. | |
| **Pre-condition:** | Không | |
| **Post-condition:** | Thông báo sẽ hiển thị theo những gì vừa được thiết lập. | |